

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1874/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 102/TTr-SNN ngày 14 tháng 6 năm 2024 và Công văn số 2110/SNN-KHTC ngày 05 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2021 - 2025 cụ thể như sau:

1. Sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới (*được giao tại Phụ lục I Quyết định số 211/QĐ-TTg*): Chi tiết tại Phụ lục I đính kèm Quyết định này.

2. Sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao (*được giao tại Phụ lục II Quyết định số 211/QĐ-TTg*): Chi tiết tại Phụ lục II đính kèm Quyết định này.

3. Sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới (*được giao tại Phụ lục III Quyết định số 211/QĐ-TTg*): Chi tiết tại Phụ lục III đính kèm Quyết định này.

4. Sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao (*được giao tại Phụ lục IV Quyết định số 211/QĐ-TTg*): Chi tiết tại Phụ lục IV đính kèm Quyết định này.

5. Đối với các xã khu vực II, khu vực III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

- Mức đạt chuẩn nông thôn mới được áp dụng theo quy định đạt chuẩn đối với vùng Trung du miền núi phía Bắc: Chi tiết tại Phụ lục V đính kèm theo Quyết định này.

- Mức đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao được áp dụng theo quy định đạt chuẩn đối với vùng Trung du miền núi phía Bắc: Chi tiết tại VI kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các tiêu chí, chỉ tiêu còn lại trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao thì thực hiện theo các quy định hiện hành⁽¹⁾.

⁽¹⁾ - Đối với các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc thẩm quyền quy định của Trung ương, thực hiện theo các Quyết định: Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022; Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 và Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Nhiệm vụ của các sở, ngành

1. Căn cứ chức năng quản lý nhà nước, tiến hành rà soát, hoàn thiện, ban hành hướng dẫn thực hiện (đối với những nội dung tiêu chí sửa đổi); chịu trách nhiệm đánh giá nội dung các tiêu chí thuộc lĩnh vực được phân công theo dõi, quản lý; đảm bảo thống nhất, đồng bộ, khả thi và phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Đơn đốc, hướng dẫn các địa phương thực hiện nội dung các tiêu chí; trong quá trình thực hiện có vấn đề mới phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và các quy định có liên quan, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) xem xét, quyết định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Thành viên BCD các CTMTQG tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTQH XD, KGVXNV, KT.Huy

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Hải

Phụ lục I

**QUY ĐỊNH CHỈ TIÊU ĐẠT ĐỐI VỚI NỘI DUNG TRONG
BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI
GIAI ĐOẠN 2021 – 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH THUẬN**
*(Kèm theo Quyết định số 1462 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Tiêu chí số	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	≥ 45% (trong đó, có ≥ 15% từ hệ thống cấp nước tập trung)
			≥ 45% (xã không sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung)

Phụ lục II
QUY ĐỊNH CHỈ TIÊU ĐẠT ĐỐI VỚI NỘI DUNG TRONG BỘ
TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI
ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH THUẬN
(kèm theo Quyết định số 1462 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Tiêu chí số	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.4. Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã. Có ít nhất 01 sản phẩm nông sản chủ lực của xã được các cơ sở sản xuất kinh doanh thiết lập hệ thống điện tử/công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất đến lưu trữ, chế biến và thương mại sản phẩm	Đạt
17	Môi trường	17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	$\geq 2\%$ <i>(áp dụng cho tất cả các địa phương, trừ huyện Phú Quý thực hiện theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường)</i>
18	Chất lượng môi trường sống	18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	≥ 60 lít
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 30\%$

Phụ lục III**QUY ĐỊNH CHỈ TIÊU ĐẠT ĐỐI VỚI NỘI DUNG TRONG BỘ
TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN
2021 – 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH THUẬN***(kèm theo Quyết định số 1462 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Tiêu chí số	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu đạt
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1		Đạt
6	Kinh tế	6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoặc đơn vị chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả	Có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đạt
			Có quy chế hoạt động và phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Đạt
			Đảm bảo thực hiện hoàn thành đúng, đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của cấp có thẩm quyền	Đạt

Phụ lục IV

**QUY ĐỊNH CHỈ TIÊU ĐẠT ĐỐI VỚI NỘI DUNG TRONG BỘ
TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH THUẬN**
(Kèm theo Quyết định số 1462 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Tiêu chí số	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.5. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2	Đạt

Phụ lục V
QUY ĐỊNH CHỈ TIÊU, TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI ĐỐI VỚI
CÁC XÃ KHU VỰC II, KHU VỰC III THUỘC VÙNG ĐÔNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH BÌNH THUẬN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 1462 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt	
			Xã Khu vực II	Xã Khu vực III
2	Giao thông	2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm. (Đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải; cứng hóa mặt đường bằng kết cấu tối thiểu: bê tông xi măng, bê tông nhựa, láng nhựa, Carboncor Asphalt).	≥100% sạch, đi lại thuận tiện (≥70% cứng hóa)	
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm. (Đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải; cứng hóa mặt đường bằng kết cấu tối thiểu: bê tông xi măng, bê tông nhựa, láng nhựa, Carboncor Asphalt, cấp phối đá dăm, sỏi đỏ, sỏi đồi, sỏi cuội)	≥50%	
3	Thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 70% trở lên	Đạt	
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.	Đạt	
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.	Đạt	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	
9	Nhà ở dân cư	9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố.	≥ 80%	≥ 75%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt	
			Xã Khu vực II	Xã Khu vực III
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương.	≥ 1	
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường.	Đạt	
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả.	Đạt	
16	Văn hoá	Tỷ lệ thôn (bản) đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới.	≥ 60%	
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn.	≥ 30% (trong đó: ≥ 10% từ hệ thống cấp nước tập trung)	≥ 20% (trong đó: ≥ 10% từ hệ thống cấp nước tập trung)
			≥ 30% (xã không sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung)	≥ 20% (xã không sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung)
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.	Đạt	
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn.	Đạt	

Phụ lục VI
QUY ĐỊNH CHỈ TIÊU, TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
ĐỐI VỚI CÁC XÃ KHU VỰC II, KHU VỰC III THUỘC VÙNG ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH THUẬN
GIẢI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 1462 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt	
			Xã Khu vực II	Xã Khu vực III
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.	Đạt	
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.	Đạt	
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.	Đạt	
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định.	100% (trong đó các đoạn tuyến có dân cư sinh sống tập trung được chiếu sáng và cây xanh $\geq 95\%$)	
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp. - Được cứng hóa và bảo trì hàng năm. (Đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải; cứng hóa mặt đường kết cấu tối thiểu: bê tông xi măng, bê tông nhựa, láng nhựa, CarboncorAsphalt) - Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng -xanh - sạch - đẹp	100% (trong đó các đoạn tuyến có dân cư sinh sống tập trung được chiếu sáng và cây xanh $\geq 95\%$)	
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được	$\geq 80\%$	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt	
			Xã Khu vực II	Xã Khu vực III
		cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa. <i>(Đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải, cứng hóa mặt đường kết cấu tối thiểu: bê tông xi măng, cấp phối đá dăm, sỏi đỏ, sỏi đồi và sỏi cuội)</i>		
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.	≥ 10%	
		3.4. Có 70% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm.	Đạt	
5	Giáo dục	5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.	100% các trường MN,TH,THCS	
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên.	Đạt	
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.	Đạt	
		6.3. Tỷ lệ thôn (bản) đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới.	≥ 65%	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ, có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.	Đạt	
8	Thông tin và Truyền thông	8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng và điểm du lịch cộng đồng...).	Tốc độ mạng wifi miễn phí tối thiểu 40 Mbps	
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố.	≥ 86%	
13	Tổ chức sản xuất và phát	13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn.	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu đạt	
				Xã Khu vực II	Xã Khu vực III
	triển kinh tế nông thôn	13.4. Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã.		≥ 1	
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử.		Đạt	
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng.		≥ 1	
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.		Đạt	
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường).		Đạt	
		15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ	1. Có 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của cấp xã được cập nhật, quản lý trong hệ thống phần mềm Một cửa điện tử
thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.	2. Tối thiểu 60% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của cấp xã được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử				
17	Môi trường	17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.		Đạt	
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng		≥ 1%	
18	Chất lượng môi trường sống	18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm		≥ 60 lít	≥ 40 lít
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững		≥ 25%	≥ 20%
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm.		100%	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt	
			Xã Khu vực II	Xã Khu vực III
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.	Đạt	
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Đạt	